**TUẦN 18:**  **BÀI 36. ÔN TẬP ĐO LƯỜNG (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức:***

- Đổi, so sánh được các đơn vị đo đại lượng, khối lượng: yến, tạ, tấn, kg.

- Ôn tập kiến thức về nhân, chia với (cho) số có một chữ số, về giải bài toán về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Ôn tập củng cố kiến thức về số có nhiều chữ số: đọc, viết số; xếp thứ tự, so sánh số; cộng, trừ các số có nhiều chữ số.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. LUYỆN TẬP**

***Ngày dạy: 01/ 01/ 2024***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3p)** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Nêu đặc điểm của hình bình hành?  + Câu 2: Nêu sự khác nhau giữa hình chữ nhật và hình bình hành?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  Hình bình hành là một hình có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.  Sự khác nhau giữa hình chữ nhật và hình bình hành là: hình chữ nhật có 4 góc vuông còn hình bình hành có hai góc nhọn và hai góc tù.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập (28p)** | |
| Bài 1. Số? (Cá nhân) Đổi các đơn vị đo.  a)1 yến = ? kg 10kg = ? yến  1 tạ = ? yến = ? kg 100kg = ? tạ  1 tấn = ? tạ = ? kg 1000kg = ? tấn  b) 2 tạ = ? kg 3tạ 60kg = ? kg  4 tấn = ? tạ = ? kg 1tấn 7tạ = ? tạ  - HS trình bày  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: Số? (Nhóm 2)  - GV gọi HS nêu yêu cầu.  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.  a) 5 yến + 7 yến = ? yến  43 tấn – 25 tấn = ? tấn  b) 3tạ  5 = ? tạ 15tạ : 3 = ? tạ  15tạ : 3 = ? tạ  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: >;<;= (Nhóm 4)  - GV cho HS làm theo nhóm.  a. 3kg 250g ? 3250g  b. 5 tạ 4 yến ? 538 kg  c. 2 tấn 2tạ ? 2220 kg  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. (Thi ai nhanh ai đúng.)  - GV cho HS nêu yêu cầu của bài toán.  - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.  a) Để tính tổng số cân nặng của cả hai con bê và bò thì ta phải làm gì?  -Nhóm thi làm bài.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS nêu yêu cầu.  - HS lần lượt làm bảng con kết hợp trả lời miệng:  a)1 yến = 10 kg 10kg = 1 yến  1 tạ = 10 yến = 100 kg 100kg = 1 tạ  1 tấn = 10 tạ =1000kg 1000kg = 1 tấn  b) 2 tạ = 200kg 3tạ 60kg =360 kg  4tấn = 40tạ = 4000kg ;1tấn 7tạ =1700 tạ  - Nhận xét bài của bạn.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu:  a) 5 yến + 7 yến = 12 yến  43 tấn – 25 tấn = 18 tấn  b) 3 tạ  5 = 15 tạ 15 tạ : 3 = 3 tạ  15tạ : 3 = 5 tạ  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  a. 3kg 250g = 3250g  b. 5 tạ 4 yến > 538 kg  c. 2 tấn 2tạ < 2220 kg  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS nêu yêu cầu của bài toán..  - HS làm việc theo yêu cầu.  a) HS trả lời: Để tính tổng cân nặng con bê và bò trước tiên ta phải đổi về cùng đơn vị  a) 1 tạ 40kg =140 kg  Con bò cân nặng là:  140 + 220 =360( kg)  Con bò và con bê cân nặng là:  140 + 360 =500( kg)  b) Con voi cân nặng là:  500  2 = 1000( kg)  Đáp số:a) 500( kg)  b) 1000( kg)  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm (4p)** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết đổi các đơn vị đo...  - Ví dụ: GV 10kg = ? yến  4 tạ = ? yến = ? kg 1000kg = ? tạ  2 tấn = ? tạ = ? kg 100kg. = ? yến  Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em đứng nêu kết quả. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 4 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

------------------------------------------------

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

***Ngày dạy: 02/01/2024***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (2p)** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Đọc số:1234582  + Câu 2: Đọc số:28745  + Câu 3: Đọc số:1094783  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  Câu 1: Một triệu hai trăm ba mươi tư nghìn năm trăm tám mươi hai. .  Câu 2: Hai mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi lăm. .  Câu 3: Một triệu không trăm chín mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi ba. .  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập (30p)** | |
| Bài 1. Số? (Cá nhân) Nêu số và cách đổi.  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng và kết hợp bảng con:  a)1cm2 = ? mm2 1 mm2 = ? cm2  1dm2 = ? cm2  1 cm2 = ? dm2  1 m2 = ? dm2 1m2 = ? cm2  b) 2 cm2 = ? mm2 ;5m2 = ? cm2  4 dm2 = ? cm2 ;1 dm2 6cm = ? cm2  1m2 = ? dm2 = ? cm2 ; 1m25dm2 = ? dm2  c)1 phút = ? giây ;1 thế kỉ = ? năm  1phút 30giây = ? giây  100 năm = ? thế kỉ  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: Số? (Nhóm 2)  - Bài yêu cầu ta làm gì?  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.  a) 20mm2 + 30mm2 = ? mm2  36 cm2 - 17cm2 = ? cm2  b) 6 m2  4 = ? m2  30 dm2 : 5 = ? dm2  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: Số? (Làm việc nhóm 4)  - GV cho HS làm theo nhóm.  a. 2cm2 50 mm2 ? 250 mm2  b. 3 dm2 90 cm2 ? 4 dm2  c. 2 m2 5 dm ? 250 dm2  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. Số? (Cá nhân)  - GV mời 1 HS nêu cách làm:  - Cả lớp làm bài vào vở: A  Yêu cầu học sinh đo góc.    B C  M  - Gọi HS nêu kết quả, NX.  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 5  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu đề bài.  - Để tính diện tích ta phải biết những yếu tố nào?  - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS nêu cách đổi  - HS lần lượt làm bảng con kết hợp đọc miệng phép còn lại:  a)1cm2 = 100 mm2 100 mm2 = 1 cm2  1dm2 = 100 cm2 1 cm2 = 100 dm2  1 m2 = 100 dm2 1m2 = 10000 cm2  b) 2 cm2 = 200 mm2 ; 5m2 = 10000 cm2  4 dm2 = 400 cm2 ; 1dm26cm2 = 106 cm2  1m2 = 100 dm2 = 10000 cm2 1m25dm2 = 105dm2  c)1 phút = 60 giây 1 thế kỉ =100 năm  1 phút 30giây = 90 giây  100 năm = 1 thế kỉ  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS trả lời: Bài yêu cầu ta điền số.  a) 20mm2 + 30mm2 = 50 mm2  36 cm2 - 17cm2 = 19 cm2  b) 6 m2  4 = 24 m2  30 dm2 : 5 = 6 dm2  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  a. 2cm2 50 mm2 = 250 mm2  b. 3 dm2 90 cm2 < 4 dm2  c. 2 m2 5 dm < 250 dm2  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS trình bày cách làm:  - HS nhận xét hình và đo.  Đỉnh B cạnh BA,BM bằng 600 và góc đỉnh M cạnh MA,MC bằng 1200.  - HS nêu  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS làm việc theo yêu cầu.  - HS TL: Để tính diện tích ta phải biết chiều dài và chiều rộng.  Bài giải  Chiều rộng mảnh đất là:  15 – 6 = 9(m)  Diện tích mảnh đất là:  15  9 =135 (m2)  Đáp số : 135 (m2)  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm (3p)** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết số liền trước, số liều sau, đọc số, viết số...  - GV viết: 48m2, 752 m2 , 39 597 m2; 100 001 m2và 4 phiếu. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em xếp theo thứ tự từ bé đến lớn theo đánh dấu trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 4 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

............................................................................................................................................

........................................................................................................................................................................................................................................................................................

------------------------------------------------

**BÀI 37.** **ÔN TẬP CHUNG (3 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức:***

- Ôn tập, củng cố kiến thức về nhân chia với (cho) số có một chữ số; về giải toán về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Ôn tập củng cố kiến thức về nhận biết số chẵn, số lẻ; về tính giá trị của biểu thức, so sánh, tính toán trên các số đo đại lượng; giải các bài toán liên quan; tính chu vi, diện tích hình chữ nhật; các bài toán tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. LUYỆN TẬP**

***Ngày dạy: 03/01/2024***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (2p)** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: 3yến 2kg = ? kg  + Câu 2: 60kg = ? yến  + Câu 3: 5 tạ = ? kg  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  Câu 1: 3yến 2kg = 32 kg .  Câu 2: 60kg = 6 yến .  Câu 3: 5 tạ = 500 kg .  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập (30p)** | |
| Bài 1. Nêu số và cách đọc số. (Cá nhân).  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng và kết hợp bảng con:      - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: (Nhóm 2)  a) Gọi hs đọc yêu cầu.  5343627; 1571210; 2180764;7042500  b) Nêu giá trị của chữ số 6 trong các số sau:  12631;1263015 ; 41263 ; 6314508 ; 276310  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: (Làm việc nhóm 4)  - GV cho HS làm theo nhóm.  a. Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn.  5 612; 6 521; 6 251; 5 216.  b) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé.  12 509; 21 025; 9 999; 20 152.  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. Đặt tính rồi tính. (Làm việc cá nhân)  - GV mời 1 HS nêu cách làm:  3 675 + 2 918 40 613 + 47 519  7 641 -2 815 62 748 - 35 261  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương.  Bài 5. Gọi Hs đọc yêu cầu (1 HS lên bảng làm, lớp làm bài vào vở)  Bài toán yêu cầu ta làm gì?  Để tính chiều dài vườn ươm ta làm thế nào?  - HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS nêu cách đổi  - HS lần lượt làm bảng con kết hợp đọc miệng phép còn lại:  + Viết số:1 621 494-Đọc:Một triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi tư.  + Viết số: 2 760 053 - Đọc: Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn không trăm năm mươi ba.  + Viết số: 381 005 - Đọc: Ba trăm tám mươi mốt nghìn không trăm linh lăm.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc yêu cầu.  - 1 HS trả lời: Bài yêu cầu ta điền số.  a) 5343627: Số 7 thuộc hàng đơn vị, lớp đơn vị.  1571210: Số 7 thuộc hàng đơn vị,lớp đơn vị.  2180764: Số 7 thuộc hàng trăm, lớp đơn vị.  7042500 : Số 7 thuộc hàng triệu, lớp triệu.  b) 12631: Giá trị số 6 là 600.  1263015: Giá trị số 6 là 60 000.  6314508: Giá trị số 6 là 6 000 000.  276310: Giá trị số 6 là 6 000.  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  a. HS sắp xếp.  5 216; 5 612; 6 251; 6 521.  b. HS sắp xếp.  21 025; 20 152; 12 509; 9 999.  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS trình bày cách làm:  3 675 + 2 918 40 613 + 47 519    7 641 -2 815 62 748 - 35 261    - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Hs đọc yêu cầu.  - Tính chiều dài hàng rào vườn ươm.  Ta phải tính chu vi hình chữ nhật.  Bài giải  Chiều dài vườn ươm là:  45  2 = 90 (m)  Chu vi vườn ươm là:  (45 + 90)  2 = 270 (m)  Chiều dài hàng rào vườn ươm là:  270 – 4 = 266 (m)  Đáp số: 266 m  Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm (3p)** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,... sau bài học để học sinh nhận biết hàng và lớp trong các số tự nhiên.  - GV viết: 45 678, 752 432 , 49 597;  100 324 và 4 phiếu. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em đọc và nêu giá trị của số 4 trong phiếu. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 4 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
|  | |

------------------------------------------------

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

***Ngày dạy: 04/01/2024***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (2p)** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  Viết các số sau:  + Câu 1: Ba mươi bảy nghìn sáu trăm.  + Câu 2: Bảy triệu sáu trăm ba mươi mốt.  + Câu 3: Bảy mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi tư.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  Câu 1: 37 600 .  Câu 2: 7 631 000 .  Câu 3: 73 684  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập (30p)** | |
| Bài 1. Đặt tính rồi tính (Làm việc cá nhân).  - GV HD HS làm miệng và kết hợp bảng con:  23152  4 6071  3  24185 : 5 5208 : 4  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2. (Làm việc nhóm 2) Chọn đáp án đúng.  a)    b)    - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: Số? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)  - GV cho HS làm theo nhóm.  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. Số? (Làm việc cá nhân)  - GV mời 1 HS nêu cách làm:  - Cả lớp làm bài vào vở:    - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 5: (Làm việc nhóm 6 )  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu đề bài.  - Đây là dạng toán nào?  - Gọi Hs nêu các bước giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - GV chia nhóm 6 thi để hoàn thành bài tập.  - Gọi đại diện nhóm lên trình bày.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS nêu cách làm  - HS lần lượt làm bảng con.  23 152  4 6 071  3    24 185 : 5 5 208 : 4  24185 5 5208 4  41 5837 12 1302  18 008  35 0  0  - HS trình bày bài.  - Nhận xét bài của bạn, HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS thảo luận chọn đáp án.  a) A. 1m2 2cm2  B. 100d m2 400m m2  C. 1 m2 300m m2  b) A. 270 yến  B. 2 tấn 5 tạ  C. 25 tạ 7 yến  - Nhóm trình bày và nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  Bài giải  Số học sinh của một lớp học bơi là:  120 : 5 = 24 (học sinh)  Số học sinh của một lớp học bóng đá là:  60 : 5 = 12 (học sinh)  Số học sinh của một lớp học bơi nhiều hơn Số HS của một lớp học bóng đá là:  24 – 12 = 12 (học sinh)  Đáp số: 12 (học sinh)  - Các nhóm trình bày.  - HS nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS trình bày cách làm:  -Tổng số huy chương vàng, bạc, đồng là:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vàng | Bạc | Đồng | | 65 | 62 | 56 |   -Trong các môn thi đấu, môn bơi có số huy chương vàng nhiều nhất là: 27 huy chương.  - HS nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS làm việc theo yêu cầu.  - HS trả lời: Dạng toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Nêu cách giải  Bài giải  Đổi 5 tấn = 50 (tạ)  Số muối ôtô thứ nhất chở là:  (50 +4) : 2 = 27 (tạ)  Số muối ôtô thứ hai chở là:  50 - 27 = 23 (tạ)  Đáp số: Ôtô thứ nhất: 27tạ  Ôtô thứ hai: 23 tạ  - HS nhận xét bài nhóm bạn.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm (3p)** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh khắc sâu về các bước giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đố.  - GV viết: -Nêu các bước giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó?  - Đổi 400mm = …dm ; 3m = …dm; 20kg = …yến  - Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em lên làm trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 4 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

**TIẾT 3. LUYỆN TẬP**

***Ngày dạy: 05/01/2024***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (2p)** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: 300c m2 = ? dm2  + Câu 2: 60c m2 = ? mm2  + Câu 3: 52 000 dm2 = ? m2  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi. Trả lời:  + Câu 1: 300 cm2 = 3 dm2  + Câu 2: 60 cm2 = 6 000 mm2  + Câu 3: 52 000 dm2 = 520 m2  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập (30p)** | |
| Bài 1. Chọn câu trả lời đúng (Cá nhân).  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng và kết hợp bảng con:    - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: <;> ; = ? (Làm việc nhóm 2)  - Bài yêu cầu ta làm gì?  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.  1m 56dm2 ? 27 dm2 + 89 dm2  150mm2  2 ? 3 cm2  6 tạ + 2 tạ ? 75 yến  4 tấn 500 kg ? 9 000 kg : 2  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: Tính giá trị của biểu thức. (Nhóm 4)  - GV cho HS làm theo nhóm.  a)78 060 ; (10 – 7) +300 045  b) 26 000 + 9015  6  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. (Làm việc cá nhân)  a)- GV mời 1 HS nêu cách làm:  - Cả lớp làm bài vào vở:    b) Tìm những đoạn thẳng vuông góc với đoạn thẳng LI  - Cả lớp làm bài vào vở:  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 5.  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu đề bài.  - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS nêu cách đổi  - HS lựa chọn đáp án đúng:  - Đáp án: B (hai số chẵn là 14 và1002)  - HS nhận xét bài của bạn.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS trả lời: Bài yêu cầu ta so sánh và điền dấu.  - HS làm bài  1m 56dm2 > 27 dm2 + 89 dm2  150mm2  2 = 3 cm2  6 tạ + 2 tạ > 75 yến  4 tấn 500 kg = 9 000 kg : 2  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc yêu cầu bài.  - Các nhóm làm việc theo sự phân công.  a) 78 060 ; (10 – 7) + 300 045  = 78 060 ; 3 + 300 045  = 26020 + 300 045 = 326 065  b) 26 000 + 9015  6  = 26 000 + 54 090 = 80 090  - Các nhóm trình bày.  - HS nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS nêu cách làm:  - EDGH là hình thoi Đ  - LDEK là hình bình hành Đ  - KEHI là hình thoi S  - Có 2 đoạn thẳng song song với đoạn thẳng DE Đ  - HS chia sẻ  - Đoạn thẳng LI vuông góc vớ ID và IH.  - 1 HS trình bày cách làm:  - HS nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS làm việc theo yêu cầu.  -HS nêu cách giải.  Bài giải  Số cây ổi là:  (760 + 40) : 2 = 400 (cây)  Số cây chuối là:  760 – 400 = 300 (cây)  Đáp số : Ổi: 400 cây; chuối: 360 cây  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm (3p)** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết số chẵn, số lẻ,  - GV viết: + Nêu các số chẵn từ 1 đến 10.  + Nêu các số lẻ từ 1 đến 10.  + Số liền sau của những số chẵn là những số nào?  và 3 phiếu. Mời 3 HS tham gia trải nghiệm: Phát 3 phiếu ngẫu nhiên cho 3 em, sau đó mời 3 em xếp theo thứ tự đánh dấu trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 3 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .....................................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................... | |